TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 939**/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 18-10-2018
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Cao.

Bà Trần Thị Lệ Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 78/2018/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 779/2018/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận D, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3669/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7432/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1967; (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị O**, sinh năm 1971; (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Số A đường B, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị O.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn ông Trần Văn Đ trình bày như sau:

Ông và bà Nguyễn Thị O chung sống từ năm 1995, đến ngày 01 tháng 7 năm 2001 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện G, tỉnh Bạc Liêu, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26 Quyển số 01. Quá trình chung sống vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn do bà O sống thiếu trách nhiệm với gia đình, tự ý vay nợ, đem tài sản gia đình đi thế chấp; nhiều lần ông và các con bị chủ nợ đe dọa và ông phải trả nợ thay cho bà O. Từ cuối năm 2016, bà O bỏ nhà đi đâu không rõ, đến gần cuối năm 2017 bà O trở về nhà, nhưng rồi cũng thường xuyên vắng nhà. Xác định tình cảm với bà O không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị O có 02 người con chung là Trần Thị Thùy D, sinh năm 1997 (đã trưởng thành) và Trần Thanh H, giới tính: Nam, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2001. Ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là Trần Thanh H, không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải, bị đơn bà Nguyễn Thị O trình bày như sau:

Bà đồng ý với nội dung ông Trần Văn Đ trình bày về quá trình chung sống, tiến tới hôn nhân và về con chung giữa hai người. Tuy nhiên, bà xác định vợ chồng bà hoàn toàn không có mâu thuẫn gì với nhau, ngay cả khi ông Đ cá độ đá banh vào năm 2014 dẫn đến phải vay nợ Ngân hàng khoản tiền 200.000.000 đồng. Trước đây bà ở nhà làm nội trợ, chăm sóc con cái và làm nghề may để kiếm thêm thu nhập cho gia đình. Bà không có hành vi nào vi phạm pháp luật về hôn nhân gia đình hoặc trái đạo đức xã hội để ông Đ yêu cầu ly hôn với bà. Những lí do mà ông Đ đưa ra là không đúng vì khoảng thời gian bà không ở nhà là do bà về quê tại tỉnh Bạc Liêu để chăm sóc mẹ. Tháng 11 năm 2017, bà nghe nói việc ông Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà đã cố gắng khuyên ông Đ vì gia đình và các con mà hàn gắn, đoàn tụ nhưng ông Đ không thay đổi. Bà không đồng ý ly hôn với ông Trần Văn Đ, mong muốn đoàn tụ gia đình để cùng nuôi dạy các con.

Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là Trần Thanh H, yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Theo đơn phản tố ngày 15 tháng 5 năm 2018, bị đơn bà Nguyễn Thị O trình bày: Trong quá trình chung sống, bà và ông Trần

Văn Đ có tạo dựng được tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 25, tờ bản đồ số 100 và căn nhà xây dựng trên đất địa chỉ số Số A đường B, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 6217/2009/UB.GCN do Ủy ban nhân dân quận D cấp ngày 15 tháng 10 năm 2009, trị giá khoảng 3.500.000.000 đồng. Bà và ông Đ có khoản nợ chung 600.000.000 đồng tại Ngân hàng I theo hợp đồng số HĐBĐ/PLM/2014/75538 ngày 23 tháng 6 năm 2014; đến nay khoản nợ này còn khoảng 200.000.000 đồng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung, nợ chung theo quy định của pháp luật.

Do đơn phản tố của bị đơn làm sau thời điểm Tòa án mở phiên họp hòa giải và đã ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử nên Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý giải quyết theo quy định tại Khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã triệu tập đại diện Ngân hàng I đến tòa án để trình bày ý kiến, đưa ra yêu cầu về khoản nợ mà bị đơn bà Nguyễn Thị O có nêu trong yêu cầu độc lập nhưng đại diện Ngân hàng vắng mặt. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo thủ tục chung.

Con chung Trần Thanh H trình bày nguyện vọng muốn ở với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Ông Trần Văn Đ tôn trọng nguyện vọng của con chung muốn ở với bà Nguyễn Thị O, trường hợp Tòa án giải quyết giao cháu Hải cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 3.000.000 đồng như yêu cầu của bà O.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 779/2018/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 6 năm 2018, Tòa án nhân dân quận D, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ:

- Điều 5, Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, các điều 200, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn Đ:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn Đ được ly hôn bà Nguyễn Thị O.

Về con chung: Ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị O có 02 người con chung là Trần Thị Thùy D, sinh năm 1997 (đã trưởng thành) và Trần Thanh H, giới tính: Nam, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2001. Giao con chung chưa thành niên

là Trần Thanh H cho bà Nguyễn Thị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Trần Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền 3.000.000 đồng, thực hiện vào ngày 05 hàng tháng đến khi con chung tròn 18 tuổi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung; về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23 tháng 6 năm 2018, bị đơn bà Nguyễn Thị O có đơn kháng toàn bộ bản án sơ thẩm với lí do Tòa án cấp sơ thẩm chỉ dựa vào lời khai một chiều từ phía ông Đ và kết quả trả lời xác minh của Hội phụ nữ Phường C, quận D cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc bà có vay nợ bên ngoài, bỏ nhà đi hơn 02 năm, không làm tròn nghĩa vụ của mình đối với gia đình là không đúng. Thực tế, do ông Đ có tình cảm với người phụ nữ khác nên mới khởi kiện ly hôn bà. Tòa án nhân dân quận D không xem xét đơn yêu cầu phản tố về việc giải quyết phân chia tài sản chung, nợ chung làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét lại toàn bộ vụ án, giải quyết vấn đề về tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị O xác định kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, bà không đồng ý ly hôn với nhận định của Tòa án là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ cá nhân bà. Mặt khác, bà vẫn còn tình cảm với chồng, mong muốn đoàn tụ gia đình để các con có cả cha lẫn mẹ. Trường hợp ông Đ kiên quyết ly hôn, bà đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm giao con chung chưa thành niên là Trần Thanh H cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông Đ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng vào ngày 05 hàng tháng kể từ tháng 11 năm 2018 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Sau khi được Hội đồng xét xử phúc thẩm giải thích về quy định của pháp luật về thời điểm bị đơn được quyền đưa ra yêu cầu phản tố, về phạm vi xét xử phúc thẩm vụ án, bà O xin rút phần kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết phân chia tài sản chung, giải quyết nợ chung.

Nguyên đơn ông Trần Văn Đ không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị O vì giữa ông và bà O đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, cuộc sống chung không hạnh phúc, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà O. Ông đồng ý với phần quyết định của bản án sơ thẩm về con chung, mức cấp dưỡng, thời điểm cấp dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung. Đề nghị bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề xuất đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả xác minh tại địa phương, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định tình trạng hôn nhân giữa ông Đ và bà O đã ở mức độ trầm trọng, hai người thiếu sự tin tưởng lẫn nhau và cùng cho rằng người kia vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng để giải quyết cho ly hôn là có cơ sở. Về con chung, các đương sự thống nhất giao con chung chưa thành niên là trẻ Trần Thanh H cho bà O nuôi dưỡng, ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền 3.000.000 đồng. Do đó, đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần quan hệ hôn nhân và con chung. Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn về phần tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn xác định không tiếp tục kháng cáo đối với phần quyết định này của bản án sơ thẩm, đề nghị không xem xét và bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị O, y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị O làm trong thời hạn luật định phù hợp với các quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo quy định là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Về nội dung:

Xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị O, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị O tự nguyện chung sống từ năm 1995 và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26 Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện G, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 01 tháng 7 năm 2001, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục duy trì, ông Trần Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thị O. Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương

sự và kết quả xác minh tại địa phương nơi các đương sự sinh sống, Tòa án nhân dân quận D nhận định quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà O đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ và giải quyết cho ly hôn.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị O kháng cáo không đồng ý ly hôn vì bà vẫn còn tình cảm với chồng, mong muốn các con có được một gia đình trọn vẹn.

Xét, qua lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì cuộc sống hôn nhân giữa ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị O chỉ hạnh phúc thời gian đầu. Năm 2003 ông Đ nghi ngờ bà O không chung thủy; khoảng 01 năm từ cuối năm 2016, bà O không chung sống với ông Đ, không quan tâm chăm sóc con chung, không chăm lo cho gia đình mà về quê sinh sống. Những điều này thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Có cơ sở để giải quyết cho ông Đ được ly hôn với bà O, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm giải quyết cho ly hôn như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[2] Về con chung:

Giữa ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị O có 02 người con chung là Trần Thị Thùy D, sinh năm 1997 (đã trưởng thành) và Trần Thanh H, giới tính: Nam, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2001. Mặc dù bị đơn bà Nguyễn Thị O kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, cả bà O và ông Đ đều thống nhất trường hợp ly hôn, bà O là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là Trần Thanh H; ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng, thực hiện vào ngày 05 hàng tháng kể từ tháng 11 năm 2018 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần này.

[3] Về tài sản chung, nợ chung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị O không tiếp tục yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm về phần tài sản chung, nợ chung giữa bà và ông Đ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết phần yêu cầu kháng cáo này của bị đơn, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa. Trường hợp có tranh chấp, bà O có quyền khởi kiện tại Tòa án để giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm như luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 86 và 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

I. Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của bị đơn bà Nguyễn Thị O vì làm trong thời hạn luật định.

II. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị O, giữ nguyên quyết định của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 779/2018/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận D, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn Đ:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn Đ được ly hôn bà Nguyễn Thị O. Giấy chứng nhận kết hôn số 26 Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện G, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 01 tháng 7 năm 2001 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị O có 02 người con chung là Trần Thị Thùy D, sinh năm 1997 (đã trưởng thành) và Trần Thanh H, giới tính: Nam, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2001. Giao con chung chưa thành niên là Trần Thanh H cho bà O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Đ có nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000đồng, thực hiện vào ngày 05 hàng tháng kể từ tháng 11 năm 2018 cho đến khi con chung đủ tròn 18 tuổi hoặc khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện tranh chấp về ly hôn, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0028528 ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm về phần này.

Ông Trần Văn Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

III. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị O phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0029550 ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- TAND quận D, Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- Chi cục THADS quận D, Tp. HCM;
- UBND thị trấn E, huyện G, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN	**THẨM PHÁN**	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Chí Cao	**Trần Thị Lệ Uyên**	**Nguyễn Văn Tuấn**